

Số: 14167/QĐ-ĐHCNGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên Trường Đại học Công nghệ GTVT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Quyết định số 1296/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021 và Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT- BGDĐT- BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 11 năm 2013 Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học và Thông tư liên tịch số 35 /2014/TTLT- BGDĐT-BTC Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quy định này được thực hiện từ học kỳ II năm học 2019 - 2020. Các Quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Giám đốc các Cơ sở đào tạo, Trường phòng Đào tạo, Trưởng các phòng chức năng, Trưởng các khoa, Bộ môn, giảng viên, giáo viên và sinh viên trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng Trường;
- Các Phó hiệu trưởng;
- Lưu VT, ĐT.



PGS.TS. Đào Văn Đông

QUY ĐỊNH
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4461/QĐ – ĐHCNGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với sinh viên Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

- Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người khuyết tật thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo được quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

- Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo được quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 11 năm 2013 Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học và Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quy định miễn giảm học phí và Quy định hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người khuyết tật thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo áp dụng đối với tất cả sinh viên đang học tập tại Trường Đại học Công nghệ GTVT, bao gồm: sinh viên hệ cử tuyển, dự bị đại học; sinh viên học chính quy, học liên thông theo hình thức đào tạo chính quy.

- Quy định hỗ trợ chi phí học tập áp dụng cho sinh viên là người dân tộc thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo; không áp dụng đối với sinh viên: cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông và văn bằng hai.

- Chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập áp dụng cho sinh viên là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

CHƯƠNG II

CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Điều 3. Đối tượng được miễn học phí

1. Người có công với Cách mạng và thân nhân của người có công với Cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với Cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh;

b) Con của người hoạt động Cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945; con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

2. Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo. Chuẩn hộ nghèo và cận nghèo được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

4. Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

a) Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Ha, La Hủ, PàThén, Chứt, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, PuPéo, Brâu, Rơ Măm, Ô Đu.

b) Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT- BGĐĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Khi cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các xã, thôn hoàn thành mục tiêu chương trình thì đối tượng thuộc phạm vi các xã, thôn đó không được hưởng chế độ kể từ khi Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Đối tượng được giảm 70% học phí

Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:

- Người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 3 Quy định này);

- Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT- BGĐĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016.

BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 (trừ các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn).

Điều 5. Đối tượng được giảm 50% học phí

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

**CHƯƠNG III
ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

Điều 6. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo. Chuẩn hộ nghèo và cận nghèo được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

**CHƯƠNG IV
ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG VÀ HỖ TRỢ
PHƯƠNG TIỆN, ĐỒ DÙNG HỌC TẬP**

Điều 7. Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

**CHƯƠNG V
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

Điều 8. Trình tự, thủ tục và hồ sơ

1. Trình tự, thủ tục hồ sơ:

- Đơn xin miễn, giảm học phí (mẫu 01) hoặc đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (mẫu 02 hoặc mẫu 03);

- Tùy theo từng đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập kèm theo đơn là bản sao chứng thực các loại giấy tờ sau:

+ Giấy khai sinh và giấy xác nhận đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 3 do cơ quan quản lý đối tượng người có công xác nhận.

+ Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện và giấy tờ chứng minh là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã cấp hoặc xác nhận đối với đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 3 và Điều 6.

+ Giấy khai sinh và Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại Khoản 3 Điều 3 và Điều 7.

+ Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú đối với đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 3 và Điều 4.

+ Sở hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp do tai nạn lao động đối với đối tượng được quy định tại Điều 5.

2. Thời gian và địa điểm sinh viên nộp hồ sơ xét miễn, giảm học phí

a) Thời gian:

- Đối với học kỳ I: Sinh viên nộp hồ sơ xét miễn, giảm học phí trong thời gian từ đầu năm học đến hết tháng 10.

- Đối với học kỳ II: Sinh viên nộp hồ sơ xét miễn, giảm học phí trong thời gian từ đầu tháng 02 đến hết tháng 3.

Nhà trường không chịu trách nhiệm hoàn trả học phí cho những sinh viên không nộp hồ sơ theo đúng thời gian quy định.

b) Địa điểm:

Sinh viên nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí tại Văn phòng Một cửa các Cơ sở đào tạo sinh viên đang học tập.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí phải nộp đầy đủ, đúng hạn hồ sơ theo quy định để được Nhà trường xét duyệt hưởng chế độ miễn, giảm học phí.

2. Việc xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên được tiến hành theo học kỳ. Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí chỉ làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả khóa học. Riêng đối với sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào đầu năm hành chính phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí cho các kỳ học thuộc năm đó.

3. Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí mà cùng một lúc học ở nhiều trường và đã được xét hưởng chế độ miễn, giảm học phí ở trường khác thì sẽ không được xét hưởng chế độ miễn, giảm học phí tại Trường ĐH Công nghệ GTVT.

4. Sinh viên diện miễn, giảm học phí tạm dừng học tập, khi xin học trở lại phải làm đơn xin tiếp tục hưởng chế độ miễn, giảm học phí (đơn theo mẫu chung và ghi rõ diện tạm dừng, nay xin học trở lại).

5. Kinh phí cấp bù tiền miễn giảm học phí do Nhà nước cấp. Nhà trường thực hiện chi trả tiền miễn, giảm học phí khi có kinh phí cấp bù của Nhà nước. Lịch trả lại học phí cho sinh viên được thông báo tại Website của Nhà trường.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành.

1. Các khoa chuyên ngành và GVCN có trách nhiệm triển khai quy định tới sinh viên; đôn đốc sinh viên hoàn thành các thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của Quy định này.

Sinh viên nộp hồ sơ xét duyệt miễn, giảm, hỗ trợ chi phí theo đúng hạn quy định.

2. Phòng Đào tạo

- Tháng 6 hàng năm Phòng Đào tạo tổng hợp số lượng người học thực tế thuộc diện được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập gửi Phòng Tài chính kế toán xây dựng dự toán cấp bù kinh phí.

- Hướng dẫn thực hiện quy định miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập;

- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và lập danh sách từng loại đối tượng.

- Chủ trì việc xét hồ sơ miễn, giảm học phí và trình Hiệu trưởng danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí từng học kỳ.

3. Phòng Tài chính - Kế toán:

Phối hợp với phòng Đào tạo lập dự toán kinh phí miễn giảm học phí hàng năm, thực hiện nhận kinh phí cấp bù học phí và chủ trì việc chi trả tiền miễn, giảm học phí cho sinh viên.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ học kỳ II năm học 2019 - 2020. Các văn bản trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần điều chỉnh, các đơn vị kịp thời phản ánh về phòng Đào tạo để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *ml*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Kính gửi: Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

Họ và tên:Dân tộc:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:

Lớp: Khóa:..... Khoa:.....

Mã sinh viên:

Thuộc đối tượng:

(Ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định 86/NĐ-CP)

Căn cứ vào Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định và chế độ hiện hành.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 201.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

Họ và tên: Dân tộc:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Lớp: Khóa: Khoa:

Mã sinh viên:

Thuộc đối tượng: Người dân tộc thiểu số thuộc hộ

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để hỗ trợ chi phí học tập theo quy định.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 201.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

Họ và tên: Dân tộc:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Lớp: Khóa: Khoa:

Mã sinh viên:

Thuộc đối tượng: Người khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTC, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí theo quy định.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2020

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

